

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

Trụ sở chính: 146 Lý Thái Tổ - phường Quang Trung - Thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056.3946161 - 3646061

Fax: 056.3847.843

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Văn Châu

Địa chỉ: 146 Lý Thái Tổ - phường Quang Trung - TP Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 056 3946161

Fax: 056.3847.843

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ  
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2015.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 18/3/2016 tại đường dẫn: <http://binhdinhwaco.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. ml

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo thường niên năm 2015 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định.

Ngày 18 tháng 3 năm 2016

Người thực hiện công bố thông tin Nguyễn Văn Châu



**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Châu**



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 146, đường Lý Thái Tô, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: (84-56) 3747.306 Fax: (84-56) 3847.843

Website: [www.binhdinhwaco.com.vn](http://www.binhdinhwaco.com.vn)

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## NĂM 2015



**MỤC LỤC**

I. THÔNG TIN CHUNG: .....	3
1. Thông tin khái quát: .....	3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh: .....	4
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý: .....	5
3.1. Mô hình quản trị: .....	5
3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty: .....	5
4. Định hướng phát triển: .....	7
4.1. Mục tiêu chủ yếu của Công ty: .....	7
4.2. Định hướng chiến lược phát triển trung và dài hạn: .....	8
4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: .....	8
5. Các rủi ro chính trong hoạt động của doanh nghiệp: .....	8
5.1. Rủi ro kinh tế .....	8
5.2. Rủi ro đặc thù .....	9
c. Rủi ro khác .....	9
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM: .....	10
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: .....	10
2. Tổ chức và nhân sự: .....	11
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: .....	14
4. Tình hình tài chính: .....	15
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: .....	16
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY: .....	18
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY: .....	20
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH: .....	23

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**Tên Công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

**Năm báo cáo: 2015 (tính từ ngày 01/04/2015 đến 31/12/2015)**

## I. THÔNG TIN CHUNG:

### 1. Thông tin khái quát:

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**
- Tên tiếng Anh: **BINH DINH WATER SUPPLY AND SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY**
- Tên Công ty viết tắt : **BIDI WASSCO**
- Mã chứng khoán : **BDW**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 31/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25/6/2015.
- Trụ sở chính: Số 146, đường Lý Thái Tổ, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại : (84-56) 3747.306
- Fax : (84-56) 3847.843
- Website : [www.binhdinhwaco.com.vn](http://www.binhdinhwaco.com.vn)
- Vốn điều lệ : **124.108.000.000 VND**

### Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định tiền thân là Nhà máy nước Quy Nhơn được thành lập theo Quyết định số 1099/QĐ-TC ngày 23/12/1976 của UBND tỉnh Nghĩa Bình;

Ngày 28/12/1992 được đổi thành Công ty Cấp nước Bình Định theo Quyết định số 2611/QĐ-UB của UBND tỉnh Bình Định về việc thành lập doanh nghiệp nhà nước.

Ngày 23/9/1996 được đổi thành Công ty cấp thoát nước Bình Định theo Quyết định số 2312/QĐ-UB của UBND tỉnh Bình Định về việc bổ sung nhiệm vụ và đổi tên cho Công ty Cấp nước Bình Định.

Ngày 01/7/2010 được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Định tại Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 24/6/2010 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty Cấp thoát nước thành Công ty TNHH một thành viên.

Năm 2014 Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định thực hiện cổ phần hóa theo Phương án sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2012-2015 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 512/QĐ-CTUBND ngày 20/3/2012.

Ngày 28/10/2014, tại Quyết định số 3570/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Định thành Công ty cổ phần;

Ngày 31/12/2014, Công ty đã phối hợp với tổ chức thực hiện đấu giá (Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh) cùng với công ty tư vấn (Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt) tổ chức thành công phiên đấu giá chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng với 3.803.488 cổ phần và thu về được 38.048.780.000 đồng.

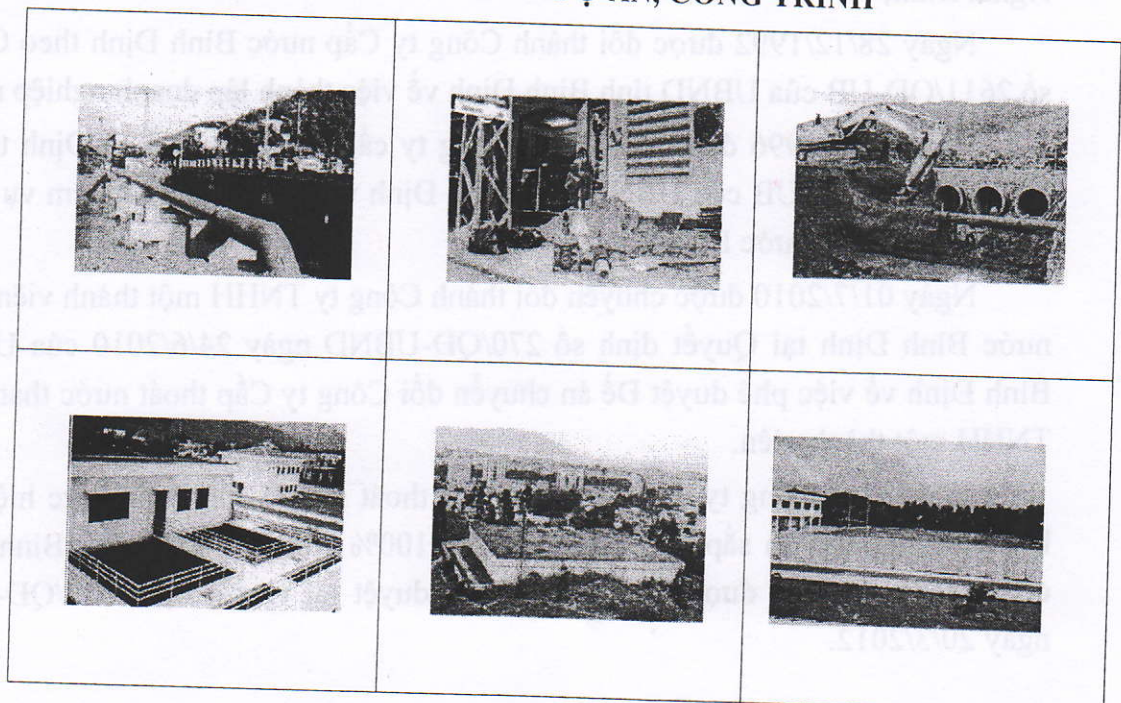
Ngày 26/3/2015, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần gần nhất ngày 25/6/2015 với vốn điều lệ là 124.108.000.000 đồng.

Ngày 14/10/2015, cổ phiếu BDW của Công ty chính thức được giao dịch tại thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Đây là cơ hội tốt cho Công ty quảng bá hình ảnh, nâng cao tính chuyên nghiệp, minh bạch trong quản trị điều hành cũng như tạo tiền đề cho việc huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán trong tương lai.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ cho các khách hàng trên địa bàn thành phố Quy Nhơn và khu vực thị xã An Nhơn (các phường Bình Định, Đập Đá, Nhơn Thành), 6 thị trấn: Tuy Phước, Ngô Mỹ, Bình Dương, Bồng Sơn, Tăng Bạt Hổ, Tam Quan. Ngoài ra, Công ty còn triển khai hoạt động xây lắp hệ thống cấp thoát nước, kinh doanh vật tư ngành nước.

## **MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH**



Doanh thu thuần từng nhóm sản phẩm, dịch vụ trong năm:

Đơn vị tính : triệu đồng

Khoản mục	Năm 2015 (từ 01/4/2015 đến 31/12/2015)	
	Giá trị	Tỷ trọng
Hoạt động Sản xuất và kinh doanh nước sạch	90.364	90%
Hoạt động Xây lắp	8.585	09%
Hoạt động khác	939	01%
<b>Tổng cộng</b>	<b>99.888</b>	<b>100%</b>

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

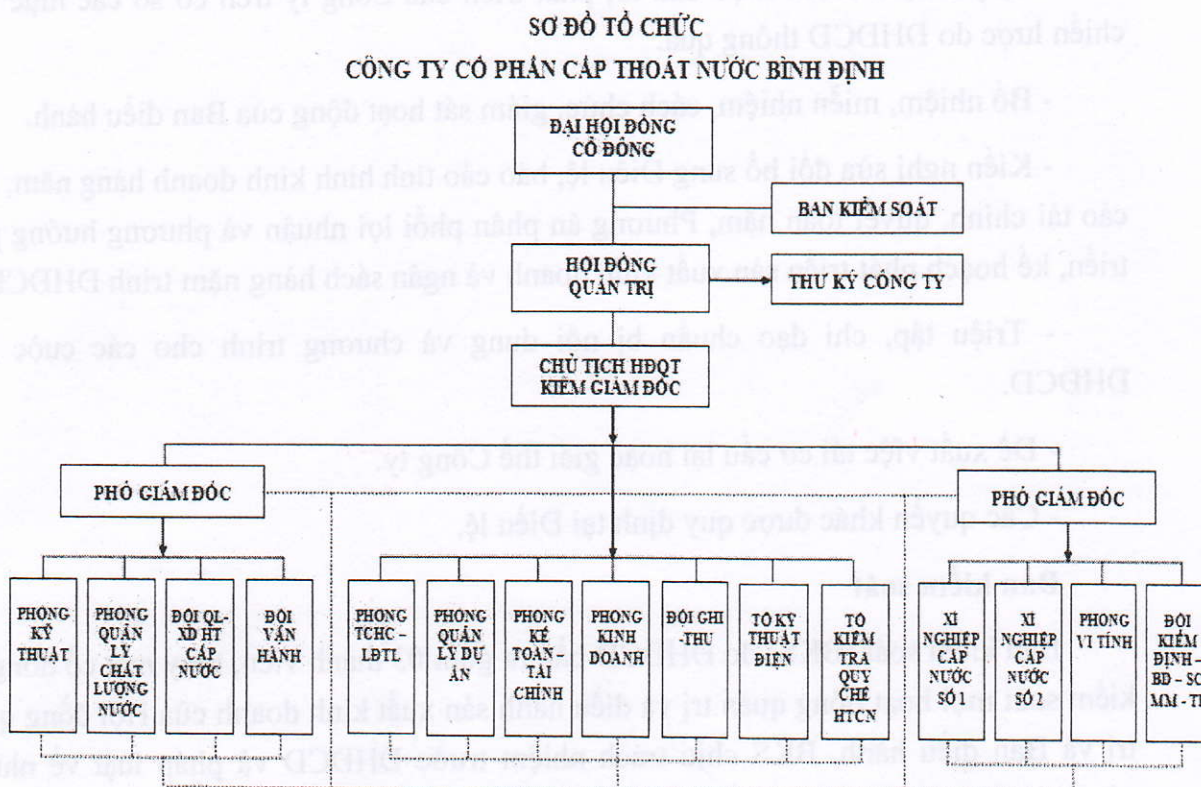
#### 3.1. Mô hình quản trị:

Dựa theo quy mô hoạt động, mô hình quản trị Công ty hiện tại theo chiều dọc.

#### 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần đầu ngày 26/3/2015.

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:



**GHI CHÚ:**

- CHỈ ĐẠO TRỰC TIẾP
- QUAN HỆ TRAO ĐỔI
- KIỂM SOÁT

### **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty; thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS).
- Quyết định số thành viên HĐQT.
- Bầu, miễn nhiệm bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

### **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban điều hành.
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, Phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

### **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát (BKS) do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban điều hành. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra

việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các Báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban điều hành.

- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.

- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

#### **Ban điều hành:**

Ban điều hành do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và bãi nhiệm, bao gồm 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc. Ban điều hành có nhiệm vụ:

- Tổ chức triển khai thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị về kế hoạch kinh doanh. Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức và quy chế quản lý nội bộ Công ty theo đúng Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các chức danh quản lý của Công ty theo quy định về phân cấp quản lý đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

- Ký các văn bản, hợp đồng, chứng từ theo sự phân cấp của Điều lệ, Quy chế của Công ty.

- Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động tài chính, kết quả kinh doanh và chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động của Công ty trước Hội đồng quản trị.

#### **Các phòng, ban chức năng**

- 07 Phòng chức năng: Phòng Tổ chức Hành chính - Lao động tiền lương, Phòng Kế toán - Tài chính, Phòng Kinh doanh, Phòng Quản lý dự án, Phòng Kỹ thuật, Phòng Quản lý chất lượng nước và Phòng Vi tính;

- 02 Xí nghiệp trực thuộc: Xí nghiệp Cấp nước số 1, Xí nghiệp Cấp nước số 2;

- 06 Tổ, Đội sản xuất: Đội Quản lý - Xây dựng hệ thống cấp nước, Đội Vận hành bơm; Đội Kiểm định - Bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị, Đội Ghi thu, Tổ Kỹ thuật điện, Tổ Kiểm tra quy chế hệ thống cấp nước.

#### **4. Định hướng phát triển:**

##### **4.1. Mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

Không ngừng cải tiến và nâng cao năng lực quản lý để phát triển các ngành nghề kinh doanh của Công ty, tối ưu hóa lợi nhuận cho các cổ đông; cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.



#### 4.2. Định hướng chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Theo Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 về Phê duyệt định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định 1929), mục tiêu đạt được đến năm 2025 là đáp ứng 100% nhu cầu dùng nước, định mức sử dụng nước là 120 lít/người/ngày và giảm tỷ lệ thất thoát nước xuống còn 15% (từ mức bình quân 25%-30% vào năm 2015).

Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bình Định theo quy hoạch cấp nước và định hướng phát triển ngành theo Quyết định 1929/QĐ-TTg, Công ty đã xây dựng kế hoạch đầu tư mở rộng, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước, mở rộng mạng lưới cấp nước, đầu tư thiết bị để gia tăng sản lượng nước, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước sạch của Thành phố Quy Nhơn và trung tâm các thị xã, huyện của tỉnh. Định hướng của Công ty hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh Bình Định đến năm 2020, phù hợp với tốc độ đô thị hóa và triển vọng phát triển của ngành trong thời gian tới.

+ Phát triển nguồn nhân lực, kết hợp giữa sắp xếp tinh giản lao động thừa cùng với tuyển dụng mới và tăng cường đào tạo lao động hiện có.

+ Quan tâm, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và giải quyết tốt các chế độ chính sách cho người lao động.

+ Hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng, quản trị nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, tài chính, đầu tư.

#### 4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Đầu tư nâng cấp đổi mới công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ; đồng thời tiết kiệm điện năng, nguyên vật liệu và giảm tác động ô nhiễm môi trường. Hướng đến phát triển bền vững, gắn với trách nhiệm xã hội và quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

### 5. Các rủi ro chính trong hoạt động của doanh nghiệp:

#### 5.1. Rủi ro kinh tế

Việt Nam là nước đang phát triển, có tốc độ đô thị hóa tương đối cao. Sau giai đoạn tăng trưởng khá (tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 6,6% trong giai đoạn 2000-2010), GDP đang có xu hướng giảm dần, trong giai đoạn 2011 – 2013 chỉ đạt 5,6%. Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức: xử lý nợ xấu hệ thống ngân hàng, cải thiện hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công do hệ số ICOR thấp,... Tất cả các yếu tố trên đều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thông qua các yếu tố: chi phí nguyên vật liệu đầu vào đa phần có xu hướng tăng, lãi vay còn ở mức tương đối cao,...

Đối với Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định, hoạt động sản xuất kinh doanh ít bị ảnh hưởng bởi rủi ro kinh tế nhờ nước sạch là sản phẩm thuộc dạng thiết yếu của người dân.

## 5.2. Rủi ro đặc thù

### a. Rủi ro từ nguồn nước tự nhiên khai thác

Nguồn nước thô nguyên liệu đầu vào để sản xuất nước sạch được khai thác từ các giếng bơm nước ngầm thuộc hệ thống giếng Điều Trì, Tân An và khu vực tại Xí nghiệp Cấp nước số 1 và số 2. Sự thay đổi về chất lượng và lưu lượng nước cũng ảnh hưởng đến quá trình cung cấp nước sạch của Công ty.

Hoạt động sản xuất nông, công nghiệp phát triển nhanh chóng cũng kéo theo nguy cơ ô nhiễm nguồn nước. Các nhà máy sản xuất chưa có hệ thống xử lý nước thải phù hợp, hoạt động sản xuất nông nghiệp sử dụng nhiều chất hóa học như phân bón, thuốc trừ sâu, gây nguy cơ ô nhiễm nguồn nước ngầm.

### b. Rủi ro thất thoát nước

Tỷ lệ thất thoát, thất thu của hệ thống cấp nước Công ty hiện tại là: 20,90%.

- Nước thất thoát được phân theo 02 loại:

+ Thất thoát vô hình: Rò rỉ trong mạng đường ống nước theo mỗi nối.

+ Thất thoát hữu hình: Do bể vỡ đường ống nước; dùng cho công tác súc xả đường ống, thổi rửa giếng: có thể khắc phục được.

Việc sửa chữa các điểm rò rỉ loại dễ thấy được thực hiện trong ngày. Còn đối với điểm rò rỉ khó thấy, cần phải có kế hoạch dò tìm và sửa chữa. Các điểm rò rỉ loại này sẽ tồn tại trong một thời gian dài và chiếm một tỷ lệ lớn trong tổng số lượng nước rò rỉ. Nếu chúng ta không dò tìm và sửa chữa các điểm rò rỉ loại này một cách có hệ thống, sẽ gây ra các sự cố lớn hơn và lượng nước rò rỉ do đó cũng tăng lên.

- Nước thất thu:

+ Khách hàng không thanh toán tiền sử dụng nước sạch;

+ Chây ì, chậm thanh toán tiền sử dụng nước sạch;

+ Đồng hồ đo lưu lượng nước đứng;

+ Đồng hồ đo lưu lượng nước sai số;

+ Mở van đồng hồ đo lưu lượng nước nhỏ giọt;

+ Gian lận sử dụng nước sạch không qua đồng hồ;

+ Sử dụng sai mục đích.

### c. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro do sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch,... Những rủi ro này có thể sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.



**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:****1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:****a. Những thuận lợi cơ bản:**

- Công ty nhận được sự quan tâm hỗ trợ của UBND tỉnh Bình Định, các Sở, ngành và chính quyền địa phương các cấp.
- Ban Lãnh đạo Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, tâm huyết và có trách nhiệm trong công việc. Đội ngũ cán bộ công nhân viên (CBCNV) có trình độ chuyên môn, nhiều kinh nghiệm, tinh thần đoàn kết và tự giác cao.
- Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong hoạt động cấp thoát nước như xây dựng, vận hành, quản lý nhà máy, mạng lưới cấp thoát nước, giảm tỷ lệ thất thoát nước, duy trì hệ thống thoát nước Tp. Quy Nhơn,...
- Đặc thù của sản phẩm nước sạch là không có công ty khác cạnh tranh trên địa bàn Công ty cung cấp nước nên hoạt động cung cấp nước sạch mang tính ổn định cao.
- Một số CBCNV Công ty đã tham gia các dự án: “Đào tạo nâng cao năng lực cho các công ty cấp thoát nước khu vực Miền Trung-Việt Nam” do Chính phủ Nhật tài trợ, “Kế hoạch cấp nước an toàn” do tổ chức Y tế thế giới (WHO) phối hợp với Bộ Xây dựng tổ chức,... nên đã nâng cao năng lực quản lý và vận hành cấp nước cho Công ty.

**b. Những khó khăn chủ yếu:**

- Cơ sở hạ tầng các công trình cấp nước còn thiếu và cũ, nhiều công trình xuống cấp không được nâng cấp cải tạo hàng năm, việc đầu tư mở rộng các dự án, mạng lưới cấp nước còn nhiều khó khăn do nguồn vốn đầu tư của công ty bị hạn chế.
- Điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn, thách thức do tác động của tình trạng suy thoái kinh tế, chi phí nguyên vật liệu, hóa chất, điện,... tăng cao dẫn đến chi phí sản xuất nước sạch tăng; đặc biệt do sự biến đổi khí hậu đã ảnh hưởng đến chất và lượng nguồn nước Công ty khai thác để sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt cho khách hàng.
- Sản phẩm, dịch vụ cấp, thoát nước đô thị theo quy định là sản phẩm, dịch vụ công ích. Đối với sản phẩm chính của Công ty là dịch vụ cấp nước, theo quy định của Nhà nước: Giá tiêu thụ nước sạch phải được tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất hợp lý, giá thành toàn bộ trong quá trình sản xuất, phân phối, tiêu thụ (bao gồm cả chi phí duy trì đầu nối) để đơn vị cấp nước duy trì và phát triển. Tuy nhiên hiện nay giá tiêu thụ nước sạch của Công ty chưa được xác lập như quy định, mặc dù đã được ngân sách nhà nước trợ giá nước máy khu vực 9 thị trấn 2 tỉ đồng/năm (giai đoạn 2013-2014) và năm 2015, 2016 trợ giá 2,4 tỉ đồng/năm phục vụ cấp nước cho nhân dân xã Nhơn Hải. Vì vậy, Công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh..

**\* Tình hình thực hiện so kế hoạch 9 tháng cuối năm 2015:**

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu so sánh	Kế hoạch 9 tháng năm 2015 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	Thực hiện 9 tháng năm 2015	So sánh thực hiện/kế hoạch
Vốn điều lệ	124.108.000.000	124.108.000.000	100%
Tổng Doanh thu	83.699.000.000	99.888.908.602	119%
Lợi nhuận trước thuế	3.513.000.000	6.741.921.014	192%
Lợi nhuận sau thuế	2.740.000.000	5.258.698.391	192%
Tỷ lệ cổ tức (%)	1,10	1,50	136%

**2. Tổ chức và nhân sự:****2.1. Danh sách Ban điều hành (tại ngày 15/3/2016):**

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần năm giữ có quyền biểu quyết	Tổng số cổ phần năm giữ có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Văn Châu (Trú: Đại diện vốn Nhà nước: 4.262.372 CP)	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	34,39%	4.269.172
2	Đặng Đình Lân	Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc	0,03%	3.200
3	Lê Tiến Dũng	Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc	0,05%	6.800
4	Lê Thanh Cường	Kế toán trưởng	0,028%	3.500

**- Tóm tắt lý lịch cá nhân:****a) Chủ tịch HĐQT - (Ông) Nguyễn Văn Châu**

Họ và tên: Nguyễn Văn Châu

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 12/08/1973

Nơi sinh: Quy Nhơn – Bình Định

CMND: 211415476, ngày cấp: 12/12/2012, nơi cấp: CA Bình Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: An Nhơn, Bình Định

Hộ khẩu thường trú: Tổ 9, KV3, P. Lý Thường Kiệt, Tp Quy Nhơn, Bình Định.

ĐT liên lạc ở cơ quan: 056 3946161

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kế toán

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định

Các chức vụ hiện đang nắm tại tổ chức khác: Không.

Số cổ phần nắm giữ: 4.269.172 cổ phần, chiếm 34,39% vốn điều lệ, trong đó :

+ Đại diện sở hữu: 4.262.372 cổ phần (theo Quyết định số 892/QĐ-UBND ngày 17/3/2015 của UBND tỉnh Bình Định v/v cử người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định).

+ Cá nhân sở hữu: 6.800 cổ phần

**b) Thành viên HĐQT - (Ông) Đặng Đình Lân**

Họ và tên: Đặng Đình Lân

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 27/9/1957

Nơi sinh: Hà Nội

CMND: 211076601, ngày cấp: 12/01/2015, nơi cấp: CA Bình Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tây Sơn, Bình Định

Hộ khẩu thường trú: 539 Nguyễn Thái Học, Tp Quy Nhơn, Bình Định.

ĐT liên lạc: 0913440711

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng ngành Cấp thoát nước

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định

Các chức vụ hiện đang nắm tại tổ chức khác: Không.

Số cổ phần nắm giữ: 3.200 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ, trong đó :

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 3.200 cổ phần

**c) Thành viên HĐQT - (Ông) Lê Tiến Dũng**

Họ và tên: Lê Tiến Dũng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1968

Nơi sinh: Quỳnh Hợp, Nghệ An.

CMND: 215281418, ngày cấp: 13/6/2009, nơi cấp: CA Bình Định.

Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Quê quán: Ninh Phước, Ninh Thuận  
 Hộ khẩu thường trú: 557 Nguyễn Thái Học, Quy Nhơn, Bình Định  
 Chỗ ở hiện nay: 54 Hoàng Văn Thụ, Quy Nhơn, Bình Định.  
 ĐT liên lạc: 0913472827  
 Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng  
 Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định, Chủ tịch công đoàn cơ sở Công ty CP Cấp thoát nước Bình Định.

Các chức vụ hiện đang nắm tại tổ chức khác: Không.

Số cổ phần nắm giữ: 6.800 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ, trong đó :

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 6.800 cổ phần

**d) Kế toán trưởng - (Ông) Lê Thanh Cường**

Họ và tên: Lê Thanh Cường  
 Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 04/11/1976  
 Nơi sinh: An Nhơn, Bình Định  
 CMND: 211652558, ngày cấp: 12/01/2015, nơi cấp: CA Bình Định  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Quê quán: An Nhơn, Bình Định  
 Địa chỉ thường trú: 22 Hà Huy Tập, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định  
 ĐT liên lạc ở cơ quan: 056 3946779  
 Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Kế toán – Tài chính

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định

Các chức vụ hiện đang nắm tại tổ chức khác: Không.

Số cổ phần nắm giữ: 3.500 cổ phần, chiếm 0,028% vốn điều lệ, trong đó :

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 3.500 cổ phần

**2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:**

Trong giai đoạn 01/4/2015 - 31/12/2015, Ban điều hành Công ty không có sự thay đổi.

**2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và các chính sách đối với người lao động:**

Tổng số lao động chính thức của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 là: 406 người, cơ cấu lao động theo chức năng quản lý và trình độ được thể hiện ở bảng sau:

TT	Nội dung	Số lượng	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Theo chức năng quản lý</b>	<b>406</b>	<b>100</b>
1	Ban Giám đốc	4	0,99
2	Lãnh đạo phòng ban, Phân xưởng	29	7,14
3	Cán bộ, nhân viên văn phòng	86	21,18
4	Công nhân	268	66,01
5	Tạp vụ, bảo vệ, lái xe	15	3,69
6	Hợp đồng gửi giữ tài sản	4	0,99
<b>II</b>	<b>Phân theo trình độ</b>	<b>CBCNV làm việc văn phòng</b>	<b>Công nhân trực tiếp sản xuất</b>
1	Trên Đại học	3	0
2	Đại học	96	72
3	Trung cấp, Cao đẳng	8	98
4	Khác	3	126
	<b>Tổng cộng</b>	<b>110</b>	<b>296</b>

- Chính sách đối với người lao động: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội, ốm đau, thai sản theo qui định hiện hành.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:****3.1. Các khoản đầu tư lớn:**

a) Đầu tư tài sản cố định:

Dự án Đầu tư Nâng công suất Nhà máy xử lý nước phường Nhơn Thành từ 1.250m<sup>3</sup>/ngđ lên 2.500m<sup>3</sup>/ngđ:

- Tổng mức đầu tư: 6,998 tỷ đồng;
- Nguồn vốn: vốn khấu hao cơ bản của Công ty.
- Tiến độ thực hiện: Các nhà thầu đang triển khai thi công xây lắp. Dự kiến đến tháng 5/2016 sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng.

b) Đầu tư tài chính (ngắn hạn, dài hạn): không có.

**3.2. Công ty con, công ty liên kết: không có**

**4. Tình hình tài chính:****4.1. Tình hình tài chính:**

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2015
Tổng tài sản	410.148.225.488
Doanh thu thuần	99.610.790.068
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.698.778.357
Lợi nhuận khác	43.142.657
Lợi nhuận sau thuế	5.258.698.391
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1,5%

\* Ghi Chú: Do Công ty chính thức hoạt động Công ty cổ phần kể từ ngày 01/04/2015, nên Công ty không đưa cột số liệu vào cột so sánh với số liệu năm trước.

**4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:		
Tài sản lưu động / Nợ ngắn hạn	Lần	1,83
+ Hệ số thanh toán nhanh:		
Tài sản lưu động - Hàng tồn kho	Lần	1,24
Nợ ngắn hạn		
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</b>		
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	0,65
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	1,85
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho:		
Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	Vòng	3,36
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Lần	0,24
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	5,28
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	3,65
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	1,28
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	%	6,72



**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:****5.1. Cổ phần:**

- Tổng số lượng cổ phần: **12.410.800** cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
  - + Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 12.139.500 cổ phiếu
  - + Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 271.300 cổ phiếu

**5.2. Cơ cấu cổ đông:**

	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ
<b>I.</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>389</b>	<b>12.404.983</b>	<b>99,95%</b>
1	Tổ chức	2	11.075.743	89,24%
	- Cổ đông Nhà nước	1	7.985.612	64,34%
	- Cổ đông khác	1	3.090.131	24,9%
2	Cá nhân	387	1.329.240	10,71%
<b>II.</b>	<b>Cổ đông ngoài nước</b>	<b>4</b>	<b>5.817</b>	<b>0,05%</b>
1	Tổ chức	0	0	0,00%
2	Cá nhân	4	5.817	0,05%
	<b>Cộng</b>	<b>393</b>	<b>12.410.800</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 19/6/2015)

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không.

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không.

**5.5. Các chứng khoán khác:** Không.

**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH:****1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:****1.1. Đánh giá chung về kết quả kinh doanh:**

Trong 9 tháng năm 2015, Công ty CP Cấp thoát nước Bình Định đã hoàn thành nhiệm vụ và các chỉ tiêu sản xuất – kinh doanh. Các chỉ tiêu chủ yếu như: Doanh thu, lợi nhuận đều vượt kế hoạch đề ra; Ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động.

**Bảng chỉ tiêu so sánh kết quả thực hiện so với kế hoạch trong năm 2015 (từ 01/4/2015 - 31/12/2015):**

CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	So sánh Thực hiện/ Kế hoạch
Tổng doanh thu	Triệu đồng	83.699	99.889	119%
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	Triệu đồng	80.186	93.147	116%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.513	6.742	192%

**1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được:**

- Mặc dù là năm đầu tiên Công ty chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên sang mô hình Công ty cổ phần, nhưng đại đa số CBCNV Công ty đã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chung của Công ty;

- Hoàn thành nhiệm vụ công tác di dời hệ thống đường ống cấp nước phục vụ nâng cấp và mở rộng QL 1A theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh.

**2. Tình hình tài chính:****2.1. Tình hình tài sản:**

Tổng tài sản đầu kỳ (tại ngày 01/4/2015) là: 1.083.327 triệu đồng, cuối kỳ (tại ngày 31/12/2015) là: 410.148 triệu đồng.

Trong kỳ Công ty bàn giao TSCĐ thuộc hệ thống thoát nước đô thị thành phố Quy Nhơn cho Công ty cổ phần Môi trường đô thị theo quyết định của UBND tỉnh Bình Định: 1.071.288 triệu đồng.

Về nợ phải thu: Số dư nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2015 giảm 4,7% so với tại thời điểm 01/4/2015, chiếm 26,8% so với vốn điều lệ và bằng 8,1% so với tổng tài sản.

**2.2. Tình hình nợ phải trả**

Đến cuối năm tổng số nợ phải trả của Công ty là 266.227 triệu đồng, chiếm 64,9% so với tổng nguồn vốn. Trong nợ phải trả có vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bình Định (thực hiện dự án Cấp nước và vệ sinh thành phố Quy Nhơn (nguồn vốn vay ADB) và Dự án cấp nước 9 thị trấn Bình Định (nguồn vốn vay WB)) và Quỹ Đầu tư phát triển Bình Định (lãi suất 0%, thực hiện dự án cấp nước KKT Nhơn Hội, khu TĐC Nhơn Phước, khu dân cư B đảo 1 Bắc sông Hà Thanh) 171.876 triệu đồng chiếm 64,6%; trong kỳ Công ty thực hiện trả nợ gốc và lãi vay đúng theo kế ước vay.

Trong năm Công ty không có các khoản nợ phải trả xấu, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái, chênh lệch lãi vay.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:****3.1. Cải tiến về cơ cấu tổ chức:**

Tiếp tục sắp xếp bộ máy nhân sự tinh gọn dựa trên sự phân công nhiệm vụ rõ ràng. Thực hiện chính sách trả lương, thưởng minh bạch rõ ràng gắn với hiệu quả thực hiện công việc của từng cá nhân đến các đơn vị trực thuộc.

**3.2. Cải tiến về chính sách, quản lý:** Trong năm Công ty triển khai các biện pháp quản lý công nợ phải thu, chỉ đạo các bộ phận nghiệp vụ liên quan chú trọng công tác thu hồi nợ, kịp thời đề xuất những biện pháp thu nợ, cuối năm soát xét các

khoản công nợ phải thu khó đòi để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:** Công ty tiếp tục đạt mục tiêu ổn định và phát triển doanh nghiệp dựa trên ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất và cung cấp nước sạch. Tốc độ tăng trưởng bình quân từ 5 đến 6%/năm.

**5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Trong năm Công ty thực hiện quản lý khai thác và tiêu thụ nguồn nước ngầm trên tinh thần tiết kiệm. Các hoạt động sản xuất nước sạch và thi công xây lắp hệ thống cấp nước không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách đối với người lao động như: công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và tay nghề cho CBCNV; Huấn luyện công tác an toàn vệ sinh lao động, trang cấp đầy đủ BHLĐ cho công nhân trực tiếp sản xuất; đảm bảo việc làm, thu nhập cho CBCNV; Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách BHXH, BHYT, BHTN đối với người lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty phối hợp và quan hệ tốt với các đơn vị, cơ quan chức năng có liên quan trên địa bàn trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất-kinh doanh của Công ty.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:**

**1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty và của Ban điều hành:**

Trong 9 tháng năm 2015, Công ty đã nỗ lực thực hiện các mục tiêu do ĐHĐCĐ thành lập Công ty đề ra. Nhờ đó, Công ty đã đạt được kết quả sản xuất kinh doanh đáng khích lệ, vượt các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

a. Về thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

- Sản lượng nước sản xuất: đạt 101,9% so với kế hoạch, tăng 4,4% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

- Sản lượng nước tiêu thụ: đạt 103,7% so với kế hoạch, tăng 6,14% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

- Tỷ lệ thất thoát nước: 17,13%, giảm 1,47% so với kế hoạch năm 2015.

- Doanh thu tiền nước: đạt 109,4% so với kế hoạch, tăng 32,7% so với thực hiện cùng kỳ năm 2014.

- Công tác phát triển khách hàng: tăng 4.311 hợp đồng dịch vụ cấp nước so với năm 2014, đạt 102,6% kế hoạch.

- Giám sát chất lượng nước đảm bảo theo quy định của QCVN 01:2009/BYT với tần suất xét nghiệm bình quân 275 mẫu/tháng (khu vực TP Quy Nhơn) và 45 mẫu/tháng (khu vực 2 Xí nghiệp).

b. Về thực hiện các chỉ tiêu tài chính (9 tháng năm 2015):

Thực hiện đảm bảo kế hoạch ĐHĐCĐ đã thông qua ngày 26/3/2015, cụ thể:

- Tổng doanh thu: 99.889 triệu đồng; vượt 19,347% kế hoạch.

- Lợi nhuận sau thuế: 5.258 triệu đồng; vượt 91,92% kế hoạch.

- Số phải nộp ngân sách: 37.866 triệu đồng (*bao gồm cả phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt*).

- Tỷ lệ chia cổ tức: dự kiến 1,50% (150 đồng/cổ phiếu), đạt 136,36% kế hoạch.

c. Về giám sát hoạt động của Ban điều hành:

- Trong 9 tháng cuối năm 2015, HĐQT thường xuyên chỉ đạo để Ban điều hành liên tục rà soát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và định hướng điều chỉnh kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với hoạt động thực tế của Công ty, với mục tiêu khai thác tối đa mọi cơ hội, đảm bảo hiệu quả và an toàn trong kinh doanh.

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và cụ thể hóa các quy định với việc ban hành các quy chế; thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch ĐHĐCĐ thành lập Công ty đề ra; các nghị quyết của HĐQT Công ty.

- HĐQT thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính. Qua đó, đề ra những biện pháp chỉ đạo kịp thời cho Ban điều hành, đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực của Công ty.

- Thực hiện tốt công tác quản lý chi phí và lưu chuyển tiền tệ. Việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ sách kế toán, báo cáo tài chính cũng như các báo cáo thống kê của Công ty là trung thực, đúng quy định.

- Ổn định công việc và thu nhập của người lao động.

## **2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

a. Các chỉ tiêu chính trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016:

- Tổng doanh thu: 129.400 triệu đồng;

- Tổng chi phí: 121.900 triệu đồng;

- Lợi nhuận trước thuế: 7.500 triệu đồng;

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ: 4,83%;

- Tỷ lệ cổ tức: 2,0%.



## b. Các định hướng trong năm 2016:

- Phát triển dịch vụ chăm sóc khách hàng, xây dựng thương hiệu Công ty: lấy sự hài lòng của khách hàng làm trọng tâm, tạo mọi điều kiện để khách hàng tiếp cận với dịch vụ cấp nước chuyên nghiệp, an toàn của Công ty. Phấn đấu giữ vững mục tiêu cấp nước an toàn.

- Nâng cao chất lượng nước và giảm thất thoát: kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước theo quy định của Thông tư 50/2015/TT-BYT, đầu tư nâng cao công nghệ cấp nước. Trong ngắn hạn, tập trung giải quyết triệt để tình trạng nước đục, khắc phục các điểm áp lực yếu. Về lâu dài, lập kế hoạch và tiến hành đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý kỹ thuật phục vụ công tác giảm thất thoát nước.

- Phát huy các lĩnh vực kinh doanh Công ty có kinh nghiệm như: cung cấp vật tư, thiết bị ngành nước, thi công các công trình cấp nước. Đầu tư dây chuyền để sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết đóng chai.

- Nâng cao năng lực quản lý, hoạt động: tích cực phát huy tối đa tính sáng tạo, xây dựng một đơn vị cấp nước vững mạnh và vì cộng đồng. Tập trung chỉ đạo, giám sát thường xuyên, và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc kịp thời để đảm bảo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.

## c. Các khó khăn có thể ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016:

Năm 2015 UBND tỉnh Bình Định đã có quyết định lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án xây dựng Nhà máy xử lý nước Hà Thanh theo hình thức Hợp đồng BOO là Công ty cổ phần Công nghệ môi trường và Xây dựng Sài Gòn (SENCO). Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Bình Định, trong năm 2015 Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty đã tổ chức các cuộc họp HĐQT để thông qua chủ trương cho SENCO thuê các tài sản hiện có thuộc bãi giếng Hà Thanh.

Theo kế hoạch do SENCO lập thì đến tháng 9/2016, Nhà máy xử lý nước Hà Thanh sẽ xây dựng hoàn thành và đưa vào vận hành, khai thác. Đến thời điểm đó Công ty sẽ mua sỉ nước sạch của SENCO sản xuất qua đồng hồ tổng để phân phối lại cho khách hàng. Với giá mua, bán sỉ nước sạch đã được UBND tỉnh phê duyệt thì ước tính trong 3 tháng cuối năm 2016, Công ty sẽ phát sinh thêm chi phí khoảng 2,5 tỷ đồng.

Hiện nay UBND tỉnh, các sở ngành liên quan chưa có giải pháp để tháo gỡ khó khăn này cho Công ty. Về lâu dài, nếu vấn đề này không có biện pháp giải quyết một cách tổng thể và đồng bộ thì sẽ là vấn đề gây trở ngại lớn nhất, ảnh hưởng đến kết quả sản xuất - kinh doanh của Công ty.

**V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:****1. Hội đồng quản trị:****1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (tại ngày 15/3/2016):**

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết	Tổng số cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Văn Châu (Trong đó: Đại diện vốn Nhà nước: 4.262.372 CP)	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	34,39%	4.269.172
2	Đặng Đình Lân	Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc	0,03%	3.200
3	Lê Tiến Dũng	Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc	0,05%	6.800
4	Nguyễn Thị Mai Anh (Trong đó: Đại diện vốn Nhà nước: 3.723.240 CP)	Thành viên HĐQT không điều hành	30,00%	3.723.240
5	Dương Tiến Dũng (Trong đó: Đại diện vốn của Công ty CP Cấp thoát nước Thủy Anh: 3.090.131 CP)	Thành viên HĐQT không điều hành	29,90%	3.710.671

**1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không có.

**1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị duy trì hoạt động theo Điều lệ Công ty. Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã tổ chức 17 phiên họp, tập trung vào các nội dung:

- Xây dựng các quy chế, quy định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, HĐQT.
- Phê duyệt Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động và Ban điều hành.
- Ban hành hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và chuyển xếp lương cho người lao động trong Công ty.
- Giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền trong việc cho Công ty cổ phần Công nghệ môi trường và Xây dựng Sài Gòn (SENCO) thuê bãi giếng Hà Thanh.

**1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:**

Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành đã có những ý kiến tham gia rất tích cực trong các phiên họp HĐQT, góp phần định hướng công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty, đạt kết quả vượt mức kế hoạch ĐHCĐ đề ra.

**1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Không có.

**1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:** Không có.

**2. Ban Kiểm soát:**

**2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:**

STT	Họ và Tên	Chức danh	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Quang Sáng	Trưởng ban	0%
2	Phan Thế Nga	Thành viên	0,006%
3	Huỳnh Thị Giao	Thành viên	0%

## 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty theo đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

+ Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và đã có nhiều ý kiến đóng góp cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty.

+ Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, việc tuân thủ các quy định về quản lý tài chính, sử dụng vốn và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nhìn chung, trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị, Ban điều hành tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát:

### 3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (triệu đồng/9 tháng năm 2015)

TT	Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao HĐQT/BKS	Tổng cộng
1	Nguyễn Văn Châu	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	356,213	2	0	358,213
2	Đặng Đình Lân	Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc	276,721	2	45	323,721
3	Lê Tiến Dũng	Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc	276,985	2	45	323,985
4	Nguyễn Thị Mai Anh	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0	45	45
5	Âu Ban Đán (từ tháng 4 đến hết tháng 10/2015)	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0	35	35
6	Dương Tiến Dũng (từ tháng 11 đến tháng 12/2015, thay ông Âu Ban Đán)	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0	10	10
7	Lê Thanh Cường	Kế toán trưởng	251,081	2	0	253,081
8	Nguyễn Quang Sáng	Trưởng ban, Ban kiểm soát	0	0	41,54	41,54

TT	Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao HDQT/BKS	Tổng cộng
9	Phan Thế Nga	Thành viên Ban Kiểm soát	68,60	2	33,23	103,83
10	Huỳnh Thị Giao	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0	33,23	33,23

**3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không có

**3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có

**3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:** Thực hiện quy định về quản trị Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

### 1. Ý kiến kiểm toán:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định (đính kèm Báo cáo tài chính đã được kiểm toán).

Đơn vị kiểm toán:

Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Địa chỉ trụ sở chính TP. Hà Nội: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Điện thoại: 04. 3783 2121 Fax: 04 3783 2122

Website: www.cpavietnam.vn.

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN CHÂU



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015**

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 30

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Định, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định theo Quyết định số 512/QĐ-CT UBND ngày 20/3/2012 về việc phê duyệt phương án sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2012-2015. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, Mã số doanh nghiệp 4100258955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp thay đổi lần 03 ngày 01/4/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 25/6/2015.

Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: BINHDINH WATER SUPPLY AND SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt: BIDIWASSCO.

Công ty có Trụ sở chính tại: Số 146, Lý Thái Tổ, phường Quang Trung, Tp. Quy Nhơn, Bình Định.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

<u>Hội đồng Quản trị</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm</u>	<u>Miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Châu	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	01/4/2015	
Ông Đặng Đình Lân	Ủy viên Hội đồng Quản trị	01/4/2015	
Ông Lê Tiến Dũng	Ủy viên Hội đồng Quản trị	01/4/2015	
Bà Nguyễn Thị Mai Anh	Ủy viên Hội đồng Quản trị	01/4/2015	
Ông Âu Ban Đán	Ủy viên Hội đồng Quản trị	01/4/2015	31/10/2015
Ông Dương Tiến Dũng	Ủy viên Hội đồng Quản trị	01/11/2015	

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015 và cho đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Ban Giám đốc</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm</u>	<u>Miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Châu	Giám đốc	01/4/2015	
Ông Đặng Đình Lân	Phó Giám đốc	01/4/2015	
Ông Lê Tiến Dũng	Phó Giám đốc	01/4/2015	

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành Viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Châu  
Giám đốc

Bình Định, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Số: 91/2016/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015  
của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định, được lập ngày 29/02/2016, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A blue ink signature, likely belonging to Nguyễn Thị Mai Hoa.

**Phan Thanh Nam****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 17/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2016

**Nguyễn Thị Mai Hoa****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2015-137-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

Mẫu B01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	MS	TM	31/12/2015 VND	01/4/2015 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>61.819.637.158</b>	<b>61.378.612.764</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>8.754.890.028</b>	<b>544.230.995</b>
1. Tiền	111		1.226.514.364	544.230.995
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.528.375.664	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>33.067.546.056</b>	<b>34.714.156.088</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	29.944.062.635	30.008.049.693
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		576.978.000	145.582.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	2.658.220.768	4.560.524.395
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(111.715.347)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.4</b>	<b>19.923.710.826</b>	<b>23.813.306.939</b>
1. Hàng tồn kho	141		19.923.710.826	23.813.306.939
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>73.490.248</b>	<b>2.306.918.742</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	73.490.248	2.306.918.742
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>348.328.588.330</b>	<b>1.021.948.615.346</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>168.017.511</b>	<b>168.017.511</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	168.017.511	168.017.511
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>330.264.571.478</b>	<b>1.004.784.157.050</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	330.086.023.091	1.004.784.157.050
- Nguyên giá	222		568.173.305.208	1.217.011.894.061
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(238.087.282.117)	(212.227.737.011)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	178.548.387	-
- Nguyên giá	228		180.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.451.613)	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>568.183.821</b>	<b>1.475.407.163</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	568.183.821	1.475.407.163
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17.327.815.520</b>	<b>15.521.033.622</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	17.327.815.520	15.521.033.622
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>410.148.225.488</b>	<b>1.083.327.228.110</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

Mẫu B01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	MS	TM	31/12/2015 VND	01/4/2015 VND
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>266.227.520.453</b>	<b>685.792.749.775</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>33.757.492.815</b>	<b>25.080.717.897</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	2.322.187.525	516.830.375
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		170.362.052	107.475.875
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	1.177.512.620	1.779.440.727
4. Phải trả người lao động	314		5.020.645.321	2.845.863.765
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	-	456.533.373
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	4.301.912.389	2.254.670.280
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	18.151.632.000	12.338.890.000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.613.240.908	4.781.013.502
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>232.470.027.638</b>	<b>660.712.031.878</b>
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.11	11.205.608.422	11.739.208.422
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.12	67.539.791.095	477.096.563.335
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	153.724.628.121	171.876.260.121
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>143.920.705.035</b>	<b>397.534.478.335</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.14</b>	<b>125.347.599.035</b>	<b>384.040.697.438</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		124.108.000.000	124.108.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		124.108.000.000	124.108.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	259.932.697.438
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		516.869.839	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		722.729.196	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		722.729.196	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>18.573.106.000</b>	<b>13.493.780.897</b>
1. Nguồn kinh phí	431	5.15	-	13.493.780.897
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	5.16	18.573.106.000	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>410.148.225.488</b>	<b>1.083.327.228.110</b>

Người lập biểu



Trần Nguyễn Hạnh Lan

Kế toán trưởng



Lê Thanh Cường

Bình Định, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Văn Châu

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

Mẫu B02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015Từ 01/4/2015  
đến 31/12/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	99.655.050.564
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		44.260.496
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		99.610.790.068
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	73.557.334.776
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		26.053.455.292
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		234.975.877
7. Chi phí tài chính	22	5.19	4.238.834.181
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.238.834.181
8. Chi phí bán hàng	25	5.20	6.030.679.751
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.20	9.320.138.880
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		6.698.778.357
11. Thu nhập khác	31		43.142.657
12. Chi phí khác	32		-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		43.142.657
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.741.921.014
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	1.483.222.623
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		5.258.698.391
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	250

Bình Định, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Trần Nguyễn Hạnh Lan

Lê Thanh Cường

Nguyễn Văn Châu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến 31/12/2015

Từ 01/4/2015  
đến 31/12/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		126.743.020.341
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(29.337.514.603)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(20.856.921.963)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(4.275.228.427)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		(2.036.233.858)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		1.052.053.748
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(49.509.389.744)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>21.779.785.494</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.454.907.272)
6. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		224.670.811
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.230.236.461)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(12.338.890.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(12.338.890.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>8.210.659.033</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.1	544.230.995
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>8.754.890.028</b>

Người lập biểu

  
\_\_\_\_\_

Trần Nguyễn Hạnh Lan

Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_

Lê Thanh Cường

Bình Định, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Văn Châu

## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Định, được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định theo Quyết định số 512/QĐ-CT UBND ngày 20/3/2012 về việc phê duyệt phương án sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2012-2015. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, Mã số doanh nghiệp 4100258955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp thay đổi lần 03 ngày 01/4/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 25/6/2015.

Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: BINHDINH WATER SUPPLY AND SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt: BIDIWASSCO.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 04 là: 124.108.000.000đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi bốn tỷ, một trăm linh tám triệu đồng chẵn).

Công ty có Trụ sở chính tại: Số 146, Lý Thái Tổ, phường Quang Trung, Tp. Quy Nhơn, Bình Định.

### **1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch);
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (chi tiết: Duy tu, nạo vét và xử lý chất thải hệ thống thoát nước thành phố Quy Nhơn; hút và xử lý chất thải bể phốt hầm cầu);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chi tiết: Thiết kế công trình cấp thoát nước; giám sát lắp đặt thiết bị công trình cấp thoát nước; tư vấn lập dự án đầu tư);
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí (chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (chi tiết: Kiểm định đồng hồ đo nước);
- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;
- Sản xuất nước đá;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật);
- Xây dựng nhà các loại (chi tiết: xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp).

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: sản xuất và kinh doanh nước sạch.

### **1.3 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

<b>Đơn vị trực thuộc</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Xí nghiệp 1	Sản xuất và kinh doanh nước sạch
Xí nghiệp 2	Sản xuất và kinh doanh nước sạch

**1.4 KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015 và đây là kỳ đầu tiên hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (tiếp)**

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (tiếp)

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

*b. Phương pháp khấu hao*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u> (Năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 30
Máy móc thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán, được khấu hao trong thời gian 3 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước là chi phí đầu nổi và duy trì đầu nổi bao gồm giá trị đồng hồ nước xuất dùng, chi phí nhân công, chi phí vật tư lắp đặt... đang được Công ty phân bổ từ 03 đến 05 năm căn cứ theo các văn bản sau:

- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Quỹ tiền lương**

Quỹ tiền lương thực hiện của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến 31/12/2015 được xác định như sau:

- Quỹ tiền lương của Ban Điều hành, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là: 1.449 triệu đồng được xác định theo nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông;
- Quỹ tiền lương của người lao động là: 20.998 triệu đồng được xác định theo đơn giá tiền lương đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt;
- Quỹ tiền lương xây lắp tự làm: 2.029 triệu đồng: được quyết toán theo đơn giá xây dựng công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định phê duyệt.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng Cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng Cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; ...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	01/4/2015
	VND	VND
Tiền mặt	843.130	13.945.891
Tiền gửi ngân hàng	1.225.671.234	530.285.104
Các khoản tương đương tiền	7.528.375.664	-
<b>Tổng</b>	<b>8.754.890.028</b>	<b>544.230.995</b>

**5.2 PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	01/4/2015
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>		
- Tiền nước khối cơ quan (Đặng Hoàng Trung)	3.872.727.825	4.180.510.119
- Ban quản lý công trình giao thông	10.659.629.000	5.598.416.000
- Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định	5.765.832.000	7.421.523.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	9.645.873.810	12.807.600.574
<b>Tổng</b>	<b>29.944.062.635</b>	<b>30.008.049.693</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B09 - DN

**5.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2015		01/4/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.658.220.768</b>	<b>-</b>	<b>4.560.524.395</b>	<b>-</b>
- Tạm ứng	2.498.947.245	-	3.331.009.840	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	66.053.168	-
- Bảo hiểm xã hội	-	-	4.713.310	-
- Phải thu khác	159.273.523	-	1.158.748.077	-
<i>Ban GPMB và phát triển</i>				
<i>Quỹ đất Bình Định</i>	-	-	1.091.957.160	-
<i>Đối tượng khác</i>	159.273.523	-	66.790.917	-
<b>Dài hạn</b>	<b>168.017.511</b>	<b>-</b>	<b>168.017.511</b>	<b>-</b>
- Phải thu khác	168.017.511	-	168.017.511	-
<i>Ban quản lý DA cấp nước</i>				
<i>và vệ sinh TP Quy Nhơn</i>	168.017.511	-	168.017.511	-
<b>Tổng</b>	<b>2.826.238.279</b>	<b>-</b>	<b>4.728.541.906</b>	<b>-</b>

**5.4 HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		01/4/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	16.205.699.110	-	19.026.003.238	-
Công cụ, dụng cụ	165.308.291	-	170.057.886	-
Chi phí sản xuất KD dở dang	3.552.703.425	-	4.617.245.815	-
<b>Tổng</b>	<b>19.923.710.826</b>	<b>-</b>	<b>23.813.306.939</b>	<b>-</b>

**5.5 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2015	01/4/2015
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>73.490.248</b>	<b>2.306.918.742</b>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	73.490.248	2.306.918.742
<b>Dài hạn</b>	<b>17.327.815.520</b>	<b>15.521.033.622</b>
Chi phí thay thế thiết bị XN1, XN2	307.224.777	-
Chi phí thay thế đồng hồ năm 2013-2015	7.569.142.990	5.546.984.501
Chi phí lắp đặt hệ thống cấp nước cho các hộ dân năm 2012-2015	9.451.447.753	9.375.535.623
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	598.513.498
<b>Tổng</b>	<b>17.401.305.768</b>	<b>17.827.952.364</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu B09 - DN

**5.6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng
Số dư tại 01/4/2015	82.063.601.925	67.174.984.104	1.064.953.341.322	2.555.720.990	264.245.720	1.217.011.894.061
Tăng trong kỳ	155.632.375.678	21.297.210.226	245.333.738.749	234.090.909	-	422.497.415.562
Mua trong kỳ	-	-	-	234.090.909	-	234.090.909
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.142.969.678	78.389.226	889.958.099	-	-	2.111.317.003
Nhận bán giao tài sản	154.489.406.000	21.218.821.000	243.067.133.000	-	-	418.775.360.000
Tặng khác	-	-	1.376.647.650	-	-	1.376.647.650
Giảm trong kỳ	183.426.528.000	65.653.363.160	821.119.113.255	1.137.000.000	-	1.071.336.004.415
Thanh lý, nhượng bán, tháo dỡ	-	-	47.922.483	-	-	47.922.483
Bản giao tài sản	183.426.528.000	65.653.363.160	821.071.190.772	1.137.000.000	-	1.071.288.081.932
Phân loại lại tài sản	-	654.224.218	-	(654.224.218)	-	-
Số dư tại 31/12/2015	54.269.449.603	23.473.055.388	489.167.966.816	998.587.681	264.245.720	568.173.305.208
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/4/2015	22.114.364.663	12.769.872.990	176.356.085.821	937.921.846	49.491.691	212.227.737.011
Tăng trong kỳ	3.165.280.107	2.633.912.527	22.942.700.916	52.958.143	40.862.058	28.835.713.751
Khấu hao trong kỳ	3.165.280.107	2.633.912.527	22.658.010.426	52.958.143	40.862.058	28.551.023.261
Tặng khác	-	-	284.690.490	-	-	284.690.490
Giảm trong kỳ	-	166.581.316	2.748.315.662	61.271.667	-	2.976.168.645
Thanh lý, nhượng bán	-	-	9.950.830	-	-	9.950.830
Giảm do bán giao tài sản	-	166.581.316	2.738.364.832	61.271.667	-	2.966.217.815
Số dư tại 31/12/2015	25.279.644.770	15.237.204.201	196.550.471.075	929.608.322	90.353.749	238.087.282.117
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư tại 01/4/2015	59.949.237.262	54.405.111.114	888.597.255.501	1.617.799.144	214.754.029	1.004.784.157.050
Số dư tại 31/12/2015	28.989.804.833	8.235.851.187	292.617.495.741	68.979.359	173.891.971	330.086.023.091

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B09 - DN

**5.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm kế toán VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/4/2015	-	-
Tăng trong kỳ	180.000.000	180.000.000
Mua trong kỳ	180.000.000	180.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>180.000.000</b>	<b>180.000.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
Số dư tại 01/4/2015	-	-
Tăng trong kỳ	1.451.613	1.451.613
Khấu hao trong kỳ	1.451.613	1.451.613
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>1.451.613</b>	<b>1.451.613</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư tại 01/4/2015	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>178.548.387</b>	<b>178.548.387</b>

**5.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2015 VND	01/4/2015 VND
TT Quốc tế khoa học và giáo dục liên ngành	104.886.236	104.886.236
Lắp hàng rào B40 Ghềnh Ráng + kè TA3	-	640.570.909
Lỗ khoan mới giếng B2KT,G3,G8A,G8B	146.570.000	146.570.000
Thổi rửa, thay thế máy bơm xí nghiệp 1	-	281.490.000
Lắp đặt HTCN cho khách hàng bằng NVCT	114.571.725	-
Các công trình khác	202.155.860	301.890.018
<b>Tổng</b>	<b>568.183.821</b>	<b>1.475.407.163</b>

**5.9 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2015		01/4/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>2.322.187.525</b>	<b>2.322.187.525</b>	<b>516.830.375</b>	<b>516.830.375</b>
Công ty TNHH Đạt Hòa	934.175.000	934.175.000	-	-
Công ty CP Hawaco	818.400.000	818.400.000	-	-
Các đối tượng khác	569.612.525	569.612.525	516.830.375	516.830.375
<b>Tổng</b>	<b>2.322.187.525</b>	<b>2.322.187.525</b>	<b>516.830.375</b>	<b>516.830.375</b>

5.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/4/2015 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	31/12/2015 VND
Thuế và các khoản phải nộp	1.779.440.727	37.866.805.756	38.468.733.863	1.177.512.620
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	924.506.191	2.785.205.913	3.585.356.820	124.355.284
Thuế thu nhập doanh nghiệp	689.601.840	1.483.222.623	2.036.233.858	136.590.605
Thuế thu nhập cá nhân	15.790.000	266.147.846	68.089.000	213.848.846
Thuế tài nguyên	129.636.990	1.355.540.310	1.348.871.490	136.305.810
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	17.276.599	-	17.276.599	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác, trong đó:	2.629.107	31.976.689.064	31.412.906.096	566.412.075
<i>Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt</i>	-	31.976.689.064	31.410.276.989	566.412.075
<i>Các khoản khác</i>	2.629.107	-	2.629.107	-

5.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2015		01/4/2015	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Giá trị	trả nợ
Ngắn hạn	-	-	456.533.373	456.533.373
Chi phí lãi vay dự án 9TT	-	-	456.533.373	456.533.373
Dài hạn	11.205.608.422	11.205.608.422	11.739.208.422	11.739.208.422
Lãi vay trong ân hạn phải trả Ngân hàng Phát triển - CN Bình Định (khoản vay 110 tỷ)	11.205.608.422	11.205.608.422	11.739.208.422	11.739.208.422

5.12 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015 VND	01/4/2015 VND
Ngắn hạn	4.301.912.389	2.254.670.280
Các khoản phải trả phải nộp khác, trong đó:	4.301.912.389	2.254.670.280
<i>Phòng kinh doanh - Phí bảo vệ môi trường</i>	2.403.343.440	-
<i>Cổ tức phải trả</i>	1.861.620.000	-
<i>Cán bộ nhân viên - Tiền trang phục</i>	-	1.302.000.000
<i>Phải trả phải nộp ngắn hạn khác</i>	36.948.949	952.670.280
Dài hạn	67.539.791.095	477.096.563.335
Các khoản phải trả phải nộp khác, trong đó:	67.539.791.095	477.096.563.335
<i>BQLDA cấp nước và vệ sinh Tp. Quy Nhơn(*)</i>	64.070.190.593	64.070.190.593
<i>Công ty CP Môi trường đô thị Quy Nhơn</i>	2.555.619.502	2.555.619.502
<i>Ban QLDA Vệ sinh môi trường TP Quy Nhơn</i>	495.376.000	410.052.148.240
<i>Quỹ đầu tư phát triển Bình Định</i>	418.605.000	418.605.000
<b>Tổng</b>	<b>71.841.703.484</b>	<b>479.351.233.615</b>

(\*) Tài sản cố định nhận bàn giao từ BQLDA cấp nước và vệ sinh Tp. Quy Nhơn đang chờ Dự án được phê duyệt quyết toán hoàn thành để ghi tăng nguồn vốn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**  
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

Mẫu B09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**5.13 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/4/2015		Trong kỳ		31/12/2015	
	Giá trị VND		Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>12.338.890.000</b>		<b>18.151.632.000</b>	<b>12.338.890.000</b>	<b>18.151.632.000</b>	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>12.338.890.000</i>		<i>18.151.632.000</i>	<i>12.338.890.000</i>	<i>18.151.632.000</i>	
Ngân hàng Phát triển- CN Bình Định dự án Cấp nước và Vệ sinh Tp. Quy Nhơn - khoản 110 tỷ đồng (1)	2.037.900.000		5.706.125.000	2.037.900.000	5.706.125.000	
Ngân hàng Phát triển- CN Bình Định dự án Cấp nước và Vệ sinh Tp. Quy Nhơn - khoản 13 tỷ đồng (2)	351.504.000		703.008.000	351.504.000	703.008.000	
Ngân hàng Phát triển - CN Bình Định - Dự án 9 TT (3)	4.414.486.000		4.414.486.000	4.414.486.000	4.414.486.000	
Quý Đầu tư phát triển - CN Bình Định - Dự án Bắc sông Hà Thanh - giai đoạn 1, 2 (4)	139.500.000		134.013.000	139.500.000	134.013.000	
Quý Đầu tư phát triển - CN Bình Định - Dự án Nhom Hội (5)	4.941.000.000		6.588.000.000	4.941.000.000	6.588.000.000	
Quý Đầu tư phát triển - CN Bình Định - Dự án Nhom Phước (6)	454.500.000		606.000.000	454.500.000	606.000.000	
<b>Vay dài hạn</b>	<b>171.876.260.121</b>		<b>-</b>	<b>18.151.632.000</b>	<b>153.724.628.121</b>	
<i>Từ 60 tháng trở lên</i>	<i>171.876.260.121</i>		<i>-</i>	<i>18.151.632.000</i>	<i>153.724.628.121</i>	
Ngân hàng Phát triển- CN Bình Định dự án Cấp nước và Vệ sinh Tp. Quy Nhơn - khoản 110 tỷ đồng (1)	75.402.460.600		-	5.706.125.000	69.696.335.600	
Ngân hàng Phát triển- CN Bình Định dự án Cấp nước và Vệ sinh Tp. Quy Nhơn - khoản 13 tỷ đồng	7.733.107.721		-	703.008.000	7.030.099.721	
Ngân hàng Phát triển - CN Bình Định - Dự án 9 TT (3)	55.787.717.000		-	4.414.486.000	51.373.231.000	
Quý Đầu tư phát triển - CN Bình Định - Dự án Bắc sông Hà Thanh - giai đoạn 1,2 (4)	843.277.000		-	134.013.000	709.264.000	
Quý Đầu tư phát triển - CN Bình Định - Dự án Nhom Hội (5)	27.964.697.800		-	6.588.000.000	21.376.697.800	
Quý Đầu tư phát triển - CN Bình Định - Dự án Nhom Phước (6)	4.145.000.000		-	606.000.000	3.539.000.000	
<b>Tổng</b>	<b>184.215.150.121</b>		<b>18.151.632.000</b>	<b>30.490.522.000</b>	<b>171.876.260.121</b>	



5.13 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Ghi Chú:

- (1) Khế ước nhận nợ vay nguồn vốn ODA số 507V.000.102 ngày 18/6/2008 với Ngân hàng Phát triển - chi nhánh Bình Định. Số tiền vay 110.046.760.600 đồng, thời hạn vay 25 năm, lãi suất vay 5%/năm (bao gồm phí quản lý 0,2%), lãi phạt 150% lãi suất vay trong hạn. Khoản vay đầu tư cho dự án Cấp nước và Vệ sinh thành phố Quy Nhơn.
- (2) Khế ước nhận nợ vay nguồn vốn ODA số 507V.000.050 ngày 11/01/2010 với Ngân hàng Phát triển - chi nhánh Bình Định. Số tiền vay 13.708.675.721 đồng, thời hạn vay 25 năm, lãi suất vay 0%/năm, phí quản lý 0,2%/năm. Khoản vay đầu tư cho dự án Cấp nước và Vệ sinh thành phố Quy Nhơn;
- (3) Khế ước nhận nợ khung vay nguồn vốn ODA với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định ngày 10/10/2006, với số tiền vay là 5.323.312 USD, đồng tiền vay và nhận nợ là đồng Việt Nam. Lãi suất vay 3%/năm, phí cho vay 0,2%/năm. Khoản vay đầu tư cho dự án Cấp nước 9 thị trấn tỉnh Bình Định theo Hiệp định vay lại giữa Bộ Tài chính và Công ty Cấp thoát nước Bình Định tháng 4/2006.
- (4) Hợp đồng vay vốn số 28/2007/HĐTD ngày 27/12/2007 với Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Định. Số tiền vay 900.000.000 đồng, thời hạn vay 132 tháng, ân hạn 12 tháng, lãi suất vay 0%/năm, trả nợ gốc từ quý 1/2009. Khoản vay đầu tư Hệ thống cấp nước sinh hoạt khu dân cư B - Đảo 1, Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn (giai đoạn 1).

Hợp đồng vay vốn số 09/2009/HĐTD ngày 25/12/2009 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 03/2011/HĐĐC ngày 07/11/2011 với Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Định. Số tiền vay 901.264.000 đồng, thời hạn vay 132 tháng, ân hạn 12 tháng, lãi suất vay 0%/năm, trả nợ gốc từ tháng 02/2012. Khoản vay đầu tư Hệ thống cấp nước sinh hoạt khu dân cư B - Đảo 1, Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn (giai đoạn 2).

Phụ lục Hợp đồng số: 03/2015/PLHĐ-QĐTPT ngày 27/01/2015 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 09/2009/HĐTD ngày 25/12/2009: thời hạn cho vay: 176 tháng, kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên đến khi hoàn trả hết nợ vay; thời hạn trả gốc: 114 tháng; thời điểm bắt đầu trả nợ gốc: tháng 02/2015; kỳ hạn trả nợ gốc: 3 tháng.

- (5) Hợp đồng vay vốn số 34/2006/HĐTD ngày 28/11/2006 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 04/2011/HĐĐC ngày 07/11/2011 với Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Định. Số tiền vay 34.552.697.800 đồng, thời hạn vay 156 tháng, lãi suất vay 0%/năm, trả nợ gốc từ tháng 01/2012. Khoản vay đầu tư hệ thống cấp nước khu kinh tế Nhơn Hội (giai đoạn 1).

Phụ lục Hợp đồng số: 02/2015/PLHĐ-QĐTPT ngày 27/01/2015 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 34/2006/HĐTD ngày 28/11/2006: thời hạn cho vay: 160 tháng, kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên đến khi hoàn trả hết nợ vay. Thời điểm bắt đầu trả nợ gốc: 1/2015. Thời hạn trả nợ gốc: 63 tháng. Kỳ hạn trả nợ gốc: hàng tháng.

- (6) Hợp đồng vay vốn số 01/2008/HĐTD và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 02/2011/HĐĐC ngày 07/11/2011 với Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Định. Số tiền vay 4.650.000.000 đồng, thời hạn vay 156 tháng, lãi suất vay 0%/năm. Khoản vay đầu tư hệ thống cấp nước khu tái định cư Nhơn Phước (giai đoạn 1).

Phụ lục Hợp đồng số: 04/2015/PLHĐ-QĐTPT ngày 27/01/2015 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2008/HĐTD ngày 28/02/2008: thời hạn cho vay: 176 tháng, kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên đến khi hoàn trả hết nợ vay; thời hạn trả gốc: 92 tháng; thời điểm bắt đầu trả nợ gốc: tháng 3/2015; kỳ hạn trả nợ gốc: hàng tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Mẫu B09 - DN****5.14 VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU****a. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/4/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp của Nhà nước	79.856.120.000	79.856.120.000
Các cổ đông khác	44.251.880.000	44.251.880.000
<b>Tổng</b>	<b>124.108.000.000</b>	<b>124.108.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**  
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu B09 - DN

**5.14 VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**b. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	124.108.000.000	259.932.697.438	-	-	384.040.697.438
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	9.588.983.175	9.588.983.175
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(9.588.983.175)	(9.588.983.175)
<b>Số dư tại 31/3/2015</b>	<b>124.108.000.000</b>	<b>259.932.697.438</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>384.040.697.438</b>
Số dư tại 01/4/2015	124.108.000.000	259.932.697.438	-	-	384.040.697.438
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	5.258.698.391	5.258.698.391
Tăng do nhận bán giao tài sản	-	2.011.550.000	-	-	2.011.550.000
Phân phối quỹ	-	-	516.869.839	(2.584.349.195)	(2.067.479.356)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(1.861.620.000)	(1.861.620.000)
Thù lao HĐQT	-	-	-	(90.000.000)	(90.000.000)
Giảm do bán giao tài sản	-	(248.190.633.438)	-	-	(248.190.633.438)
Giảm khác (**)	-	(13.753.614.000)	-	-	(13.753.614.000)
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>124.108.000.000</b>	<b>-</b>	<b>516.869.839</b>	<b>722.729.196</b>	<b>125.347.599.035</b>

(\*) Tạm chia cổ tức theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số: 02/BB-HĐQT ngày 14/01/2016.

(\*\*) Chuyển Tài sản cố định do nhận bán giao tài sản cố định sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa được đầu tư từ nguồn vốn Ngân sách Nhà nước sang theo dõi ở chỉ tiêu Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B09 - DN

**5.14 VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

*c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

Từ 01/4/2015  
 đến 31/12/2015  
**VND**

<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	
Vốn góp đầu kỳ	124.108.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-
Vốn góp cuối kỳ	124.108.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-
<b>Cổ tức</b>	
Cổ tức công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán	VND/Cổ phiếu
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:	-
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	-

*d. Cổ phiếu*

Tại ngày 31/12/2015

	<b>Cổ phiếu</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>12.410.800</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>12.410.800</b>
Cổ phiếu phổ thông	12.410.800
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là VCSH)	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là VCSH)	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>12.410.800</b>
Cổ phiếu phổ thông	12.410.800
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là VCSH)	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000

**5.15 NGUỒN KINH PHÍ**

Từ 01/4/2015  
 đến 31/12/2015  
**VND**

Số dư đầu kỳ	13.493.780.897
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	7.108.214.870
Nguồn kinh phí nộp lại NSNN	20.351.966.856
Nguồn kinh phí để lại phục vụ công tác thu phí	250.028.911
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	-

Thực hiện Quyết định số 24/2015/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Quy Nhơn, kể từ ngày 01/4/2015, Công ty được để lại (3,5%) số phí thu được để chi phục vụ công tác thu, số phí còn lại (96,5%) được nộp toàn bộ vào Ngân sách tỉnh. Đối với phần phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt do Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định thu được từ ngày 31/3/2015 trở về trước: Sau khi trừ đi các chi phí hợp lý theo quy định, phần còn lại nộp toàn bộ vào Ngân sách tỉnh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B09 - DN

**5.16 NGUỒN KINH PHÍ HÌNH THÀNH TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

	31/12/2015	01/4/2015
	VND	VND
Tài sản cố định nhận bàn giao từ UBND tỉnh Bình Định	18.573.106.000	-

**5.17 DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015
	VND
Doanh thu bán hàng	90.658.698.666
Doanh thu cung cấp dịch vụ (công ích)	394.194.545
Doanh thu hoạt động xây lắp	8.602.157.353
<b>Tổng</b>	<b>99.655.050.564</b>

**5.18 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015
	VND
Giá vốn bán hàng	66.955.041.837
Giá vốn cung cấp dịch vụ (công ích)	284.063.042
Giá vốn hoạt động xây lắp	6.318.229.897
<b>Tổng</b>	<b>73.557.334.776</b>

**5.19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015
	VND
Chi phí lãi vay	4.238.834.181
<b>Tổng</b>	<b>4.238.834.181</b>

**5.20 CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015
	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>9.320.138.880</b>
Chi phí nhân công	6.478.197.596
Chi phí đồ dùng văn phòng	432.205.454
Chi phí khấu hao tài sản cố định	469.866.633
Thuế, phí, lệ phí	87.309.728
Chi phí dự phòng	111.715.347
Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.376.780
Chi phí khác bằng tiền	1.625.467.342
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>6.030.679.751</b>
Chi phí nhân công	2.375.811.534
Chi phí thay đồng hồ và lắp đặt hệ thống cấp nước cho các hộ dân	3.296.589.217
Các khoản chi phí bán hàng khác	358.279.000
<b>Tổng</b>	<b>15.350.818.631</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B09 - DN

**5.21 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.171.521.566
Chi phí nhân công	24.760.271.215
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.488.182.874
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.827.115.266
Chi phí khác bằng tiền	9.661.062.486
<b>Tổng</b>	<b>88.908.153.407</b>

**5.22 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.483.222.623
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.483.222.623</b>

**5.23 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.258.698.391
Các khoản điều chỉnh giảm, trong đó:	2.157.479.356
+ Trả thù lao hội đồng quản trị không điều hành	90.000.000
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.067.479.356
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.101.219.035
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	12.410.800
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>250</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Thông tin về các bên liên quan****Giao dịch với bên liên quan**

	Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.161.000.000
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	288.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B09 - DN

**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	01/4/2015 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.754.890.028	544.230.995
Phải thu khách hàng ngắn hạn	29.944.062.635	30.008.049.693
Phải thu khác ngắn hạn	2.658.220.768	4.560.524.395
Phải thu dài hạn khác	168.017.511	168.017.511
<b>Tổng</b>	<b>41.525.190.942</b>	<b>35.280.822.594</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán ngắn hạn	2.322.187.525	516.830.375
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	456.533.373
Phải trả khác ngắn hạn	4.301.912.389	2.254.670.280
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18.151.632.000	12.338.890.000
Chi phí phải trả dài hạn	11.205.608.422	11.739.208.422
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	153.724.628.121	171.876.260.121
<b>Tổng</b>	<b>189.705.968.457</b>	<b>199.182.392.571</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>(148.180.777.515)</b>	<b>(163.901.569.977)</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến rủi ro thị trường.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)**

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và dòng tiền của các khoản gốc.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm trở lên VND	Tổng VND
<b>31/12/2015</b>			
Vay và nợ thuê tài chính	18.151.632.000	153.724.628.121	171.876.260.121
Phải trả người bán	2.322.187.525	-	2.322.187.525
Chi phí phải trả	-	11.205.608.422	11.205.608.422
Phải trả khác	4.301.912.389	-	4.301.912.389
<b>Tổng</b>	<b>24.775.731.914</b>	<b>164.930.236.543</b>	<b>189.705.968.457</b>
<b>01/4/2015</b>			
Vay và nợ thuê tài chính	12.338.890.000	171.876.260.121	184.215.150.121
Phải trả người bán ngắn hạn	516.830.375	-	516.830.375
Chi phí phải trả	456.533.373	11.739.208.422	12.195.741.795
Phải trả khác ngắn hạn	2.254.670.280	-	2.254.670.280
<b>Tổng</b>	<b>15.566.924.028</b>	<b>183.615.468.543</b>	<b>199.182.392.571</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm trở lên VND	Tổng VND
<b>31/12/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương	8.754.890.028	-	8.754.890.028
Phải thu khách hàng	29.944.062.635	-	29.944.062.635
Phải thu khác	2.658.220.768	168.017.511	2.826.238.279
<b>Tổng</b>	<b>41.357.173.431</b>	<b>168.017.511</b>	<b>41.525.190.942</b>
<b>01/4/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương	544.230.995	-	544.230.995
Phải thu khách hàng	30.008.049.693	-	30.008.049.693
Phải thu khác	4.560.524.395	168.017.511	4.728.541.906
<b>Tổng</b>	<b>35.112.805.083</b>	<b>168.017.511</b>	<b>35.280.822.594</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B09 - DN

**7. THÔNG TIN SO SÁNH**

Đây là kỳ hoạt động đầu tiên Công ty hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần. Do đó không có thông tin so sánh.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bình Định, ngày 29 tháng 02 năm 2016  
Giám đốc



Trần Nguyễn Hạnh Lan

Lê Thanh Cường

Nguyễn Văn Châu



